

DANH SÁCH PHÍ DỊCH VỤ CÓ THAY ĐỔI BIỂU PHÍ TỪ 1/7/2025

1. Phí dịch vụ lưu ký

STT	Nội dung	Loại chứng khoán	Mức phí
1	Phí lưu ký	Cổ phiếu, CCQ, chứng quyền có bảo đảm	0,297 đồng/cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có đảm bảo/tháng
		Trái phiếu	0,198 đồng/trái phiếu doanh nghiệp, tối đa 2.200.000 đồng/tháng/mã trái phiếu doanh nghiệp
		Công cụ nợ	0,154 đồng/công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công/tháng, tối đa 1.540.000 đồng/tháng/mã công cụ nợ theo quy định tại Luật Quản lý nợ công.
2	Phí chuyển khoản	Cổ phiếu, CCQ, Trái phiếu	0,33 đồng/chứng khoán/1 lần chuyển khoản/1 mã chứng khoán (tối đa không quá 330.000 đồng/1 lần/1 mã chứng khoán)
3	Phí phong tỏa chứng khoán (Phong tỏa tự nguyện, phong tỏa đăng ký biện pháp bảo đảm, phong tỏa chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại tổ chức tín dụng (bao gồm phong tỏa có đăng ký biện pháp bảo đảm và không có đăng ký biện pháp bảo đảm))		Mức thu: 0,165% theo mệnh giá, tối thiểu 5.500.000 đồng/năm, tối đa 22.000.000 đồng/năm

2. Phí dịch vụ giao dịch không qua sàn

STT	Dịch vụ	Mức phí
1	Chào mua công khai: Đối tượng thu: Bên bán Căn cứ tính: Theo mức giá giao dịch với bên chào mua	* Trường hợp BVSC thực hiện thủ tục chuyển nhượng qua VSDC: Mức thu: $0,165\% \times \text{giá trị giao dịch}$; tối thiểu 110.000 đồng/hồ sơ + Mức giá dịch vụ của VSDC (nếu có).
2	Cho/Tặng/Thừa kế: Đối tượng thu: Bên Cho/Tặng/Thừa kế. Căn cứ tính: Giá tham chiếu tại ngày BVSC nhận đủ hồ sơ (Ngày KH ký văn bản đề nghị chuyển quyền sở hữu)	* Trường hợp BVSC không thực hiện hồ sơ (BVSC nhận chuyển khoản CK từ thành viên khác chuyển về): Mức thu: Theo giá dịch vụ của VSDC
3	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong giao dịch hoán đổi ETF/ thực hiện chứng quyền có bảo đảm Đối tượng thu: NĐT thực hiện hoán đổi (mua/bán lại CCQ ETF) với quỹ ETF; nhà đầu tư có yêu cầu thực hiện chứng quyền có bảo đảm.	* Trường hợp BVSC thực hiện thủ tục chuyển nhượng: Mức thu: $0,165\% \times \text{giá trị chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo mệnh giá quỹ ETF}$, giá trị chứng khoán cơ sở chuyển quyền sở hữu theo mệnh giá do thực hiện chứng quyền có bảo đảm; tối thiểu 110.000 đồng/hồ sơ, tối đa 22.000.000 đồng/hồ sơ + Mức giá dịch vụ của VSDC (nếu có) * Trường hợp BVSC không thực hiện hồ sơ (BVSC nhận chuyển khoản CK từ thành viên khác chuyển về): Mức thu: Theo giá dịch vụ của VSDC
4	Chuyển quyền sở hữu chứng khoán do Tổ chức phát hành/Công đoàn thu hồi/mua lại cổ phiếu ưu đãi của cán bộ, công nhân viên khi chấm dứt hợp đồng lao động Đối tượng thu: Bên nhận chuyển quyền sở hữu Căn cứ tính: Theo giá mua lại/thu hồi do Tổ chức phát hành/ cơ quan có thẩm quyền quyết định.	* Trường hợp BVSC thực hiện thủ tục chuyển nhượng qua VSDC: Mức thu: $0,55\% \times \text{giá trị giao dịch}$; tối thiểu 110.000 đồng/hồ sơ + Mức giá dịch vụ của VSDC (nếu có) * Trường hợp BVSC không thực hiện hồ sơ (BVSC nhận chuyển khoản CK từ thành viên khác chuyển về): Mức thu: Theo giá dịch vụ của VSDC
5	Các loại chuyển quyền sở hữu khác được UBCKNN/Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận: Đối tượng thu: Bên chuyển và bên nhận chuyển quyền sở hữu Mức giá tính: Theo giá ghi trên HĐ chuyển nhượng và không thấp hơn giá tham chiếu vào ngày thực hiện chuyển quyền sở hữu hoặc mức giá được cơ quan có thẩm quyền quyết định.	* Trường hợp BVSC thực hiện thủ tục chuyển nhượng qua VSDC: Mức thu: $0,55\% \times \text{giá trị giao dịch}$; tối thiểu 550.000 đồng/hồ sơ, tối đa 22.000.000 đồng/hồ sơ + Mức giá dịch vụ của VSDC (nếu có) * Trường hợp BVSC không thực hiện hồ sơ (BVSC nhận chuyển khoản CK từ thành viên khác chuyển về): Mức thu: Theo giá dịch vụ của VSDC